

**museum** (n)

/mjuˈziːəm/

bảo tàng



**music** (n)

/ˈmjuːzɪk/

âm nhạc



**musical** (n)

/ˈmjuːzɪkl/

vở nhạc kịch



**musician** (n)

/mjuˈzɪʃn/

nhạc sĩ; người chơi nhạc



**paint** (n)

/peɪnt/

sơn, màu vẽ



**painter** (n)

/ˈpeɪntə(r)/

họa sĩ, thợ sơn

LIVEWORKSHEETS